TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2023/DS-ST
Ngày: 22-6-2023
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Công Nhân;

2. Bà Võ Thị Hòa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 50/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-DS ngày 04/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2023/QĐST-DS ngày 30/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông NMH, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: 352/3 NTT, Phường 1X, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà ĐTL, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 86 đường số X3, khu phố 3, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Thông qua mối quan hệ quen biết trước đó nên giữa nguyên đơn ông NMH và bị đơn bà ĐTL đã 05 lần ký kết hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

- Hợp đồng vay tiền (có thế chấp) ngày 09/02/2022 có nội dung: Bên cho vay ông NMH, sinh năm 1961 cho bên vay là bà ĐTL, sinh năm 1968 ngụ tại số 86

đường số X3, khu phố T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh vay số tiền 10.000.000 đồng, các bên không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay.

- Hợp đồng vay tiền (có thế chấp) không ghi ngày tháng năm có nội dung: Bên cho vay không ghi họ tên, bên vay là bà ĐTL, sinh năm 1968 ngụ tại số 86 đường số X3, khu phố T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh vay số tiền 20.000.0000 đồng, không có thế chấp, các bên không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay.

- Giấy vay tiền ngày 06/7/2022 có nội dung: Bà ĐTL sinh năm 1968 ngụ tại số 86 đường số X3, khu phố T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có mượn của ông NMH số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 30/7/2022, các bên không có thỏa thuận lãi suất. Đối với khoản vay này bà ĐTL đã thanh toán được 60.000.000 đồng; còn nợ lại 20.000.000 đồng.

- Giấy vay tiền ngày 04/9/2022 có nội dung: Bà ĐTL sinh năm 1968 ngụ tại số 86 đường số X3, khu phố T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có vay của ông NMH số tiền 20.000.000 đồng, các bên không có thỏa thuận thời hạn trả, lãi suất.

- Giấy vay tiền ngày 11/9/2022 có nội dung: Bà ĐTL sinh năm 1968 ngụ tại số 86 đường số X3, khu phố T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có vay của ông NMH số tiền 35.000.000 đồng, các bên không có thỏa thuận thời hạn trả, lãi suất.

Ngày 02/11/2022, ông NMH đã có Thông báo về việc yêu cầu trả tiền gửi đến bà ĐTL sinh năm 1968 ngụ tại số 86 đường số X3, khu phố T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Vận đơn gửi nhiều bưu gửi ngày 02/11/2022 tại Bưu cục 756700 – Tân Quy Đông của Vietnam post và Vận đơn số EE739186883VN ngày 20/12/2022 tại Bưu cục 756110 – Phú Mỹ. Tuy nhiên, bà ĐTL vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông NMH.

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2022, ông NMH yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 buộc bà ĐTL phải trả cho ông số tiền 104.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông NMH rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông không yêu cầu khởi kiện đối với bà L phải trả tiền Hợp đồng vay tiền không có ghi ngày tháng năm và không thể hiện người cho vay là ai đối với số tiền vay là 20.000.000 đồng. Ông NMH chỉ yêu cầu bị đơn bà ĐTL phải trả cho ông số tiền 85.000.000 đồng.

Bị đơn là bà ĐTL đã được Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp L, các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-DS ngày 04/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2023/QĐST-DS ngày 30/5/2023 nhưng bà ĐTL vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà ĐTL theo quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật;

- Về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của ông NMH buộc bà ĐTL trả số tiền nợ là 85.000.000 đồng. Ghi nhận, nguyên đơn rút yêu cầu đối với Hợp đồng vay tiền (không ghi ngày, tháng, năm), số tiền là 20.000.000 đồng.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thì có cơ sở xác định ông NMH có nhiều lần cho bà ĐTL vay với tổng số tiền là 145.000.000 đồng gồm:

- Hợp đồng vay tiền ngày 09/02/2020 với số tiền là 10.000.000 đồng, không ghi hạn trả nợ;

- Giấy vay tiền ngày 11/9/2022 với số tiền là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng, hạn trả: khi nào có tiền thì trả nợ;

- Giấy vay tiền ngày 06/7/2022 với số tiền là 80.000.000 đồng, hạn trả nợ là ngày 30/7/2022. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 65.000.000 đồng và còn nợ lại 20.000.000 đồng

- Giấy vay tiền ngày 04/9/2022 với số tiền là 20.000.000 đồng, không ghi thời hạn trả nợ.

Nhận thấy, chỉ riêng Giấy vay tiền ngày 06/7/2022 với số tiền là 80.000.000 đồng, thì có thời hạn trả nợ là ngày 30/7/2022. Các Giấy vay tiền, Hợp đồng vay tiền còn lại không ghi ngày trả nợ. Tuy nhiên, do bà L chưa trả bất cứ khoản tiền nào cho ông H, nên ngày 02/11/2022, ông H đã thực hiện việc gửi thông báo yêu cầu bà L trả số tiền còn nợ tổng cộng là 85.000.000 đồng trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, nhưng đến nay bà L vẫn chưa trả số tiền trên cho ông H.

Theo Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý.

Xét thấy, hầu hết các hợp đồng vay không có ghi hạn trả nợ, nhưng nguyên đơn đã có thông báo cho bị đơn yêu cầu phải trả số tiền còn nợ trong thời hạn 30 ngày, nhưng bị đơn không thực hiện. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền 85.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Từ phân tích trên đề xuất chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 85.000.000 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn ông NMH về việc buộc bị đơn là bà ĐTL có địa chỉ tại 86 đường số X3, khu phố T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phải trả số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng vay tiền (có thế chấp) ngày 09/02/2022, các Giấy vay tiền ngày 06/7/2022, 04/9/2022 và 11/9/2022 thì đây là tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: "Bà ĐTL sinh năm 1968 hiện không thực tế cư trú tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 86 đường X3, tổ 11, khu phố T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh".

Như vậy, Đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà ĐTL. Nay bà L vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7,Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện và theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng năm 2015.

[2]. Về hình thức:

Bị đơn là bà ĐTL mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp L để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét

xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền (có thế chấp) ngày 09/02/2022, các Giấy vay tiền ngày 06/7/2022, 04/9/2022 và 11/9/2022 và lời trình bày của nguyên đơn cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận: Nguyên đơn ông NMH có cho bà ĐTL vay nhiều lần với tổng số tiền 145.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, cả 03 lần vay ngày 09/02/2022, 04/9/2022, 11/9/2022 các đương sự không thỏa thuận thời hạn thanh toán. Tại phiên tòa, ông NMH xác nhận bà ĐTL đã trả cho ông được số tiền 60.000.000 đồng trong Giấy vay tiền ngày 06/7/2022 có thời hạn trả vào ngày 30/7/2022 và còn nợ lại tổng cộng là 85.000.000 đồng.

Ngày 02/11/2022, ông NMH đã có Thông báo về việc yêu cầu trả tiền gửi đến bà ĐTL sinh năm 1968 ngụ tại số 86 đường số 33, khu phố 3, phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo vận đơn gửi nhiều bưu gửi ngày 02/11/2022 tại Bưu cục 756700 – Tân Quy Đông của Vietnam post và vận đơn số EE739186883VN ngày 20/12/2022 tại Bưu cục 756110 – Phú Mỹ là đúng theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà ĐTL vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông NMH.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà ĐTL đã được Tòa án triệu tập hợp L nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn ông NMH được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn bà ĐTL đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông NMH về việc buộc bị đơn bà ĐTL có trách nhiệm thanh toán cho ông NMH tổng số tiền 85.000.000 đồng.

Đối với Hợp đồng vay tiền không có ghi ngày tháng năm và không thể hiện người cho vay là ai đối với số tiền vay là 20.000.000 đồng, nguyên đơn ông NMH rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà ĐTL về số tiền 20.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và được Hội đồng xét xử chấp nhận nên đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 20.000.000 đồng. Nguyên đơn ông NMH được quyền khởi kiện lại đối với số tiền 20.000.000 đồng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Luật phí, L phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm b Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí, L phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hình thức: Xét xử vắng mặt bị đơn bà ĐTL.

2. Về nội dung:

2.1 Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông NMH đối với số tiền 20.000.000 đồng. Nguyên đơn ông NMH được quyền khởi kiện lại đối với số tiền 20.000.000 đồng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.2 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông NMH.

- Buộc bị đơn bà ĐTL phải trả cho nguyên đơn ông NMH số tiền 85.000.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là ông NMH (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là bà ĐTL còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà ĐTL phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.250.000 đồng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Ông NMH có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà ĐTL vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp L.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (*TK Sang*).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Phương